

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 11 - 2020

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 506/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị X, sinh năm: 2000 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tý Y, sinh năm: 1998 (có đơn đề nghị vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị X là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Y tự nguyện kết hôn tháng 5/2018 nhưng không có đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2019 thì xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hằng ngày thường cự cãi; kể từ tháng 10/2019, chị về nhà cha mẹ ruột ở và tự chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh Y cho đến nay. Quá trình chung sống chị và anh Y chưa có con chung và hiện tại chị không có mang thai.

Chị X yêu cầu Tòa án giải quyết: Yêu cầu được ly hôn với anh Y; về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản và nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 13/11/2020, anh Nguyễn Tý Y là bị đơn trình bày:

Hôn nhân giữa anh và chị X do hai bên tự nguyện kết hôn năm 2018, không có đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2019 thì phát sinh mâu thuẫn và chị X tự ý về nhà cha, mẹ ruột ở sống ly thân với anh cho đến nay, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Tý Y. Đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Y là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Anh Y có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Y theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh Y kết hôn tháng 5/2018, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh, chị có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Cho nên, quan hệ hôn nhân của chị X và anh Y là không có giá trị pháp lý, căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận chị X và anh Y là vợ chồng.

Về con chung: Chị X và anh Y xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị X và anh Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 14, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân không công nhận chị Trần Thị X và anh Nguyễn Tý Y là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Trần Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005635 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang, chị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 27/11/2020; anh Nguyễn Tý Y có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện G;
- THA huyện G;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Thanh Phát